



**MDRT**

The Premier Association of  
Financial Professionals®

**Thông tin thành viên  
của  
Million Dollar Round Table năm 2023**

*Dựa trên doanh thu năm 2022*

**Million Dollar Round Table**

325 West Touhy Avenue, Park Ridge, Illinois USA | Điện thoại: +847.692.6378 | Fax: +1 847.518.8921 |  
Email: [memberrelations@mdrt.org](mailto:memberrelations@mdrt.org)

# XIN LƯU Ý

Xin lưu ý những thay đổi sau đây đối với các phiên bản trước của tài liệu này.  
Vui lòng hủy mọi bản sao của tài liệu này mà không có cụm từ  
“Toàn cầu – 05/01/2022” ở cuối mỗi trang.

- Lệ phí thành viên tăng từ 550 lên 600 USD. Xem trang 6.
- Lệ phí cho thành viên Trộn đời, với mức Lệ phí được giảm, tăng từ 185 lên 200 USD. Xem trang 7.
- Yêu cầu về doanh thu cụ thể cho từng Thị trường đã được xác định. Xem trang 3 và 11-16.

## Mục lục

	Trang
I. Yêu cầu về Doanh thu -----	3
II. Tính đủ điều kiện -----	4
III. Báo cáo -----	5
IV. Các yêu cầu Bổ sung-----	6
V. Thông tin làm rõ -----	7
VI. Minh họa-----	9
VII. Các hội nghị-----	10
VIII. Yêu cầu về Doanh thu Tiền hoa hồng/Phí bảo hiểm theo Thị trường -----	11
IX. Yêu cầu về Doanh thu Tiền thu nhập theo thị trường-----	14

Đăng ký thành viên trực tuyến năm 2023 tại.  
<https://www.mdrt.org/membership-application/>

# THÔNG TIN THÀNH VIÊN CỦA MILLION DOLLAR ROUND TABLE NĂM 2023

## I. YÊU CẦU VỀ DOANH THU

### 1. Phương thức doanh thu

Tư cách thành viên 2023 sẽ được xác định dựa trên các phương thức doanh thu sau: (Xem trang 4 để biết các sản phẩm):

- **Phương thức định mức Hoa hồng/Phí**  
Yêu cầu tiền hoa hồng đủ điều kiện đã được thanh toán tối thiểu là 69.000 USD. Trong tổng số tiền này, tối thiểu 34.500 USD trong số tiền hoa hồng được chi trả (50% của số tiền yêu cầu) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
- **Phương thức định mức Phí bảo hiểm**  
Yêu cầu tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện đã được thanh toán tối thiểu là 138.000 USD. Trong tổng số tiền này, tối thiểu 69.000 USD trong số tiền phí bảo hiểm được chi trả (50% của số tiền yêu cầu) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
- **Phương thức định mức Thu nhập đủ điều kiện**  
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm từ bán bảo hiểm và sản phẩm tài chính tối thiểu là 120.000 USD. Tối thiểu 34.500 USD phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới được tạo ra trong năm doanh thu. Hơn nữa, tối thiểu 34.500 USD phải bắt nguồn từ thu nhập liên quan đến các sản phẩm trong danh mục Bảo hiểm rủi ro. Có thể cùng một hoạt động kinh doanh, ví dụ như bán các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mới, có thể đáp ứng cả hai yêu cầu.

### 2. Court of the Table

- **Phương thức định mức Hoa hồng & Phí bảo hiểm**  
Yêu cầu số tiền hoa hồng đủ điều kiện được thanh toán tối thiểu là 207.000 USD hoặc số tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện được thanh toán tối thiểu là 414.000 USD. Ít nhất 34.500 USD tiền hoa hồng hoặc 69.000 USD tiền phí bảo hiểm (50 phần trăm của số tiền yêu cầu để được tham gia MDRT) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ khoản tín dụng nào từ các hợp đồng bảo hiểm được liệt kê trong danh mục Sản phẩm khác.
- **Phương thức định mức Thu nhập**  
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm đủ điều kiện tối thiểu là 360.000 USD. Ứng viên phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 34.500 USD đến từ hoạt động kinh doanh mới và 34.500 USD từ hoạt động kinh doanh Bảo hiểm rủi ro.

### 3. Top of the Table

- **Phương thức định mức Hoa hồng & Phí bảo hiểm**  
Yêu cầu số tiền hoa hồng đủ điều kiện được thanh toán tối thiểu là 414.000 USD hoặc số tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện được thanh toán tối thiểu là 828.000 USD. Ít nhất 34.500 USD tiền hoa hồng hoặc 69.000 USD tiền phí bảo hiểm (50 phần trăm của số tiền yêu cầu để được tham gia MDRT) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ khoản tín dụng nào từ các hợp đồng bảo hiểm được liệt kê trong danh mục Sản phẩm Khác.
- **Phương thức định mức Thu nhập**  
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm đủ điều kiện tối thiểu là 720.000 USD. Ứng viên phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 34.500 USD đến từ hoạt động kinh doanh mới và 34.500 USD từ hoạt động kinh doanh Bảo hiểm rủi ro.
- **Miễn trừ dành cho Top of the Table**  
Các thành viên Top of the Table có tối thiểu 10 năm là thành viên Top of the Table không đáp ứng được mức doanh thu tối thiểu được yêu cầu có thể nộp đơn theo điều khoản miễn trừ dành cho thành viên Top of the Table nhưng phải nộp các khoản lệ phí Top of the Table.

**Vui lòng lưu ý rằng: Các ứng viên không thể kết hợp tín dụng doanh thu từ các phương thức nêu trên để đạt được yêu cầu tối thiểu. Các ứng viên sẽ chỉ được phê duyệt theo một phương thức.**

**Các yêu cầu doanh thu trong năm 2023 cho ứng viên bên ngoài Hoa Kỳ được thể hiện bằng nội tệ trong các bảng ở cuối tài liệu này. Tất cả các khoản tín dụng hoa hồng, phí bảo hiểm hoặc thu nhập được báo cáo phải được chuyển đổi sang đô la Mỹ bằng cách sử dụng hệ số chuyển đổi MDRT được liệt kê ở cuối tài liệu này.**

#### 4. Các sản phẩm và Tín dụng Đủ điều kiện

##### CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM RỦI RO

###### Sản phẩm từ công ty bảo hiểm nhân thọ

Chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (cá nhân)  
Bệnh hiểm nghèo (cá nhân)

Hợp đồng thu nhập cho người khuyết tật (cá nhân)

Nhân thọ (cá nhân)

Tối đa phí bảo hiểm hàng năm/ phí bảo hiểm mục tiêu

Tiền gửi vượt mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu/phụ trội

Phí bảo hiểm đơn (trộn đời và đầu tư)

Bảo hiểm trợ cấp ngắn hạn (tối đa 15 năm)

Chăm sóc dài hạn (cá nhân)

Thương tật toàn bộ vĩnh viễn và tử vong do tai nạn (nhóm)

Bệnh hiểm nghèo (nhóm)

Hợp đồng thu nhập cho người khuyết tật (nhóm)

Nhân thọ (nhóm)

Chăm sóc dài hạn (nhóm)

Niên kim (cá nhân và nhóm)

Phí bảo hiểm đơn và/hoặc bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn tối đa 15 năm)

###### Tín dụng Hoa hồng/Phí

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng được thanh toán

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% toàn bộ tiền hoa hồng

100% hoa hồng năm thứ nhất

###### Tín dụng Phí bảo hiểm

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% phí bảo hiểm vượt mức

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% tiền đầu tư mới

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

##### CÁC SẢN PHẨM KHÁC

###### Sản phẩm

Chăm sóc sức khỏe (cá nhân)

Chăm sóc sức khỏe (nhóm)

Quỹ tương hỗ

Chứng khoán

Tài khoản trộn gói/tài khoản quản lý tài sản

Phí Hoạch định Tài chính/ Phí Tư vấn

###### Tín dụng Hoa hồng/Phí

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% hoa hồng năm thứ nhất

100% toàn bộ tiền hoa hồng/phí

100% tiền hoa hồng/phí từ tiền đầu tư mới

100% toàn bộ tiền hoa hồng/phí

100% phí ròng

###### Tín dụng Phí bảo hiểm

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% tiền đầu tư mới

6% tiền đầu tư mới

6% tiền đầu tư mới

100% tổng phí

## II. TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN

### 1. Tổng quan về Đủ điều kiện

- Ứng viên nộp đơn lần đầu tiên vào MDRT phải sử dụng phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm để chứng minh đủ điều kiện trở thành thành viên. (Xem bảng trang 5.)
- Bất kỳ cá nhân nào từng là thành viên MDRT trước đây đủ điều kiện nộp đơn bằng cách sử dụng phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện.

### 2. Cấp tư cách thành viên MDRT

Tư cách thành viên MDRT chỉ được cấp với **thời hạn một năm**.

Tất cả thành viên **phải nộp đơn hàng năm** để tiếp tục là thành viên của MDRT.

#### • Thành viên Đủ tiêu chuẩn

Cá nhân là người nộp đơn lần đầu tiên sẽ trở thành Thành viên đủ tiêu chuẩn (Q) khi đơn đăng ký bán cứng của người đó được chấp thuận. Cho đến khi đạt được cột mốc thành viên năm thứ 10, thành viên đó sẽ là Thành viên đủ tiêu chuẩn.

#### • Thành viên Đủ tiêu chuẩn Trộn đời

Một cá nhân trở thành Thành viên Đủ tiêu chuẩn Trộn đời (QL) khi được chấp thuận tư cách thành viên năm thứ 10. Trạng thái Đủ tiêu chuẩn Trộn đời được duy trì trong những năm về sau bằng cách nộp đơn đăng ký hàng năm, bao gồm (các) thư xác nhận chứng minh doanh thu đủ điều kiện hoặc chứng nhận đạt mức doanh thu tối thiểu hiện tại và bằng cách trả các khoản phí thành viên bắt buộc.

#### • Thành viên Trộn đời

Sau khi đạt được tư cách Thành viên Đủ tiêu chuẩn Trộn đời, các Ứng viên xin trở thành Thành viên trộn đời sẽ tuyên bố rằng họ đã không đáp ứng yêu cầu về doanh thu nhưng vẫn muốn tiếp tục là thành viên MDRT. Thành viên trộn đời **phải nộp đơn đăng ký và trả khoản phí bắt buộc hàng năm**.

Loại Thành viên	HOA HỒNG						Loại Thành viên	PHÍ BẢO HIỂM					
	MDRT		COT		TOT			MDRT		COT		TOT	
	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công		Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công
Doanh thu	34.500\$	69.000\$	34.500\$	207.000\$	34.500\$	414.000\$	Doanh thu	69.000\$	138.000\$	69.000\$	414.000\$	69.000\$	828.000\$
Thành viên lần đầu	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thành viên lần đầu	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty	
Thành viên tham gia 2 - 10 năm	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thành viên tham gia 2 - 10 năm	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty	
Thành viên 11 năm trở lên	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		Thành viên 11 năm trở lên	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT	
Thư xác nhận	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		Thư xác nhận	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT	
Được ký bởi	Không bắt buộc		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Không bắt buộc		Công ty		Công ty	

Loại Thành viên	THU NHẬP								
	MDRT			COT			TOT		
	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công
Doanh thu	34.500\$	34.500\$	120.000\$	34.500\$	34.500\$	360.000\$	34.500\$	34.500\$	720.000\$
Thành viên lần đầu	Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện		
Thư xác nhận	Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện		
Được ký bởi	Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện		
Thành viên tham gia 2 - 10 năm	Bắt buộc			Bắt buộc			Bắt buộc		
Thư xác nhận	Bắt buộc			Bắt buộc			Bắt buộc		
Được ký bởi	Tự ký			Tự ký			Tự ký		
Thành viên 11 năm trở lên	Không bắt buộc			Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT			Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		
Thư xác nhận	Không bắt buộc			Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT			Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		
Được ký bởi	Không bắt buộc			Tự ký			Tự ký		

### III. BÁO CÁO

#### 1. Xác minh số doanh thu

##### • Xác minh Tiền hoa hồng và Phí bảo hiểm

Ứng viên nộp đơn lần đầu tiên **CHỈ** được sử dụng phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm và cung cấp (các) thư xác nhận được xác minh bởi bên thứ ba. Những người nộp đơn đăng ký làm Thành viên đủ tiêu chuẩn (năm hai đến năm 10) có thể nộp các thư xác nhận thông thường được xác minh bởi bên thứ ba đối với tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm hoặc nộp một thư xác nhận tự ký và đính kèm các tài liệu hỗ trợ cho phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện như đã nêu ở trên. Thư xác nhận có thể được cấp bởi một đại diện của công ty/môi giới/đại lý môi giới, một Kế toán viên công chứng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan/công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn.

##### • Xác minh thu nhập

Việc xác minh doanh thu đủ điều kiện theo phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện sẽ được thực hiện thông qua thư xác nhận có chữ ký của ứng viên. Tất cả các đơn nộp theo phương thức định mức thu nhập đều phải tuân theo hoạt động kiểm toán xác minh doanh thu ngẫu nhiên sau đó. Nếu được chọn, cá nhân sẽ phải cung cấp tài liệu hỗ trợ, chẳng hạn như các bản sao kê tiền hoa hồng, xác minh số tiền. Tài liệu hỗ trợ khác có thể chấp nhận được là bản kê khai thu nhập được ký bởi một đại diện của công ty/đại lý môi giới, một Kế toán viên công chứng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan/công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn. Hồ sơ thuế cũng có thể sử dụng được.

• **Báo cáo giản thể dành cho Thành viên Đủ tiêu chuẩn Trọn đời và Thành viên Trọn đời**

Một khi đã đủ điều kiện trở thành Thành viên Trọn đời, những thành viên đã đạt được tư cách Thành viên Đủ tiêu chuẩn Trọn đời hoặc Thành viên Trọn đời sẽ đủ điều kiện để nộp đơn hàng năm, bao gồm (các) thư xác nhận chứng minh doanh thu đủ tiêu chuẩn hoặc bằng cách xác nhận là đã đáp ứng được mức doanh thu tối thiểu hiện tại và trả phí thành viên bắt buộc. Không bắt buộc phải có bằng chứng về số doanh thu (chẳng hạn như thư xác nhận hoặc tài liệu về hoa hồng/thu nhập) kể từ năm thứ mười một trở đi. Những ứng viên muốn trở thành Thành viên Trọn đời sẽ tuyên bố rằng họ đã không đáp ứng được yêu cầu về doanh thu nhưng vẫn muốn tiếp tục là thành viên MDRT.

**2. Court of the Table**

- Ứng viên phải tiếp tục nộp bằng chứng về doanh thu thông qua (các) thư xác nhận cho đến khi đạt được 10 năm là thành viên ở cấp cao hơn. Họ có thể tuyên bố đủ điều kiện mà không cần có thư xác nhận hoặc tài liệu thu nhập khi nộp đơn cho năm thứ mười một để trở thành thành viên Court of the Table

**3. Top of the Table**

- Ứng viên phải tiếp tục nộp bằng chứng về doanh thu thông qua (các) thư xác nhận cho đến khi đạt được 10 năm là thành viên ở cấp cao hơn. Họ có thể tuyên bố đủ điều kiện mà không cần có thư xác nhận hoặc tài liệu thu nhập khi nộp đơn cho năm thứ mười một để trở thành thành viên Top of the Table

**4. Mẫu đơn đăng ký thành viên**

- Đơn đăng ký thành viên MDRT 2023 sẽ sẵn sàng vào ngày 1 tháng 11 năm 2022. Ứng viên có thể hoàn tất đăng ký trực tuyến hoặc tải mẫu đơn trên giấy tại [www.mdr.org](http://www.mdr.org). Cũng có thể yêu cầu mẫu đơn đăng ký trên giấy qua điện thoại, fax hoặc email tại [memberrelations@mdrt.org](mailto:memberrelations@mdrt.org).

**5. Thư xác nhận**

- Thư xác nhận được ký bởi một cán bộ của công ty, mà người nộp đơn xin làm xác minh đủ điều kiện tham gia MDRT, là yêu cầu bắt buộc khi nộp đơn theo phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm. Nếu không, đơn đăng ký sẽ được coi là không đầy đủ và bị từ chối tư cách thành viên. **Những công ty này có thể bao gồm** các công ty bảo hiểm nhân thọ, đại lý, công ty môi giới, nhà môi giới/đại lý, ngân hàng hoặc các công ty quỹ tương hỗ. Thư xác nhận được cấp bởi một đại diện của công ty/người môi giới/đại lý môi giới, Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan, công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn cũng được chấp nhận.
- Một Kế toán viên công chúng được cấp phép (CPA) hoặc cấp tương đương có thể ký thư xác nhận về phí hoạch định tài chính/phí tư vấn được trả trực tiếp cho người khai thác khi nộp đơn theo phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm.
- Công ty môi giới được định nghĩa là nhà bán sỉ bên thứ ba các sản phẩm bảo hiểm và đầu tư mà được cung cấp cho các đại lý thay mặt cho công ty bảo hiểm và đầu tư. Nếu người nộp đơn là cán bộ của một công ty môi giới, thì nhà cung cấp sản phẩm trả hoa hồng sẽ phải ký vào thư xác nhận trừ khi nộp đơn theo phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện.
- Thư xác nhận thu nhập được tự khai báo, có chữ ký của người nộp đơn. Nếu được lựa chọn để thực hiện kiểm toán xác minh doanh thu, cá nhân sẽ phải cung cấp tài liệu hỗ trợ để xác minh doanh thu đã đạt, chẳng hạn như:
  - bản sao kê tiền hoa hồng

- bản kê khai thu nhập có chữ ký của đại diện của công ty/người môi giới/đại lý môi giới, Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan, công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn.
- Hồ sơ thuế

**6. Thành viên danh dự**

Những cá nhân với ít nhất 15 năm là Thành viên đủ tiêu chuẩn (đủ tiêu chuẩn theo doanh thu) sẽ được trao danh hiệu "Thành viên danh dự".

**IV. CÁC YÊU CẦU BỔ SUNG**

**1. Yêu cầu là thành viên hiệp hội nghề nghiệp**

- Khi đăng ký để trở thành thành viên MDRT, ứng viên từ các quốc gia và vùng lãnh thổ được liệt kê dưới đây phải là thành viên có uy tín của một hiệp hội đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau: (*Danh sách các hiệp hội đáp ứng tiêu chuẩn có thể tìm thấy trên trang web tại địa chỉ:* )  
<https://www.mdr.org/join/member-requirements/>).
- Hiệp hội phải là một tổ chức thành viên cá nhân, dành cho mọi đối tượng tham gia mà không liên quan đến công ty, có một trong những trọng tâm hoạt động là bảo hiểm hoặc dịch vụ tài chính.
  - Hiệp hội phải hoạt động được ít nhất hai năm và phải có từ 100 thành viên trở lên.
  - Hiệp hội phải là một tổ chức phi lợi nhuận.
  - Hiệp hội phải có bộ quy tắc đạo đức và phương tiện hiệu quả để xử lý các hành vi vi phạm bộ quy tắc.
- Ứng viên sử dụng miễn trừ do tàn tật, cũng như các thành viên có thâm niên trên 50 năm được miễn yêu cầu là thành viên hiệp hội nghề nghiệp.
- Những người nộp đơn đến từ các Thị trường sau đây được yêu cầu phải tham gia hiệp hội :

<i>Úc</i>	<i>Ireland</i>	<i>Philippines</i>
<i>Bahamas</i>	<i>Israel</i>	<i>Singapore</i>
<i>Canada</i>	<i>Jamaica</i>	<i>Thái Lan</i>
<i>Hy Lạp</i>	<i>Nhật Bản</i>	<i>Trinidad &amp; Tobago</i>
<i>Hồng Kông</i>	<i>Malaysia</i>	<i>Hoa Kỳ</i>
	<i>New Zealand</i>	

**2. Lệ phí thành viên hàng năm: 600 USD**

- Lệ phí thành viên bắt buộc, đơn đăng ký đã hoàn tất và các mẫu quy định khác phải được đóng dấu bưu điện chậm nhất vào ngày 1 tháng 3 năm 2023. Các đơn đăng ký được đóng dấu bưu điện sau ngày 1 tháng 3 sẽ chỉ được xem xét khi gửi kèm khoản phí bổ sung 200 USD.
- Thành viên có 50 năm thâm niên thành viên trở lên được miễn lệ phí thành viên MDRT. Tuy nhiên, họ phải thanh toán lệ phí thành viên Court hoặc Top of the Table

**3. Lệ phí Court of the Table: 50 USD**

- Ngoài việc phải nộp lệ phí MDRT thông thường, ứng viên Court of the Table phải nộp các khoản lệ phí Court of the Table bắt buộc.

**4. Lệ phí Top of the Table: 550 USD**

- Ngoài việc phải nộp lệ phí MDRT thông thường, ứng viên Top of the Table phải nộp các khoản lệ phí Court of the Table bắt buộc. Lệ phí thành viên Top of the Table bao gồm lệ phí thành viên Court of the Table.

## 5. **Lệ phí Tron đời, Lệ phí được Giảm: 200 USD**

- Thành viên tron đời đáp ứng **tất cả bốn tiêu chí dưới đây** đủ điều kiện được giảm lệ phí thành viên. Những người đủ điều kiện được giảm lệ phí thành viên không bắt buộc phải là thành viên của một hiệp hội nghề nghiệp.
  - Thành viên Tron đời** hoặc **Thành viên Đủ tiêu chuẩn Tron đời, và**
  - nộp đơn làm Thành viên Tron đời, và
  - đủ 65 tuổi vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và
  - đã có 25 năm là thành viên **HOẶC** 20 năm là thành viên đáp ứng yêu cầu về doanh thu

*Hiện đã có các tùy chọn thanh toán trực tuyến. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo Đơn đăng ký thành viên năm 2023.*

## 6. **Miễn trừ đối với người tàn tật**

- Thành viên tron đời được tuyên bố bị tàn tật toàn bộ trong sáu tháng liên tiếp trong năm 2022 có thể nộp đơn xin miễn lệ phí thành viên năm 2023. Mẫu đơn yêu cầu dành cho người bị tàn tật và chứng nhận của bác sĩ phải được nộp không muộn hơn ngày 1 tháng 3 năm 2023 kèm theo đơn đăng ký thành viên. Mỗi đơn sẽ được đánh giá dựa trên bản thân thành viên. Những người được chấp thuận miễn trừ cho người bị tàn tật không được yêu cầu là thành viên của một hiệp hội nghề nghiệp.

## 7. **Các phương án dành cho Cựu thành viên Tron đời**

- Có hai lựa chọn dành cho Cựu Thành viên Tron đời và Thành viên Đủ tiêu chuẩn Tron đời muốn quay lại tham gia MDRT:
- Phương án một:** Họ có thể chọn không nộp bổ sung lệ phí trong những năm không tham gia và nộp mức doanh thu tối thiểu hiện tại và lệ phí thành viên hiện tại kèm theo đơn đăng ký. Trạng thái thành viên của họ sẽ trở lại Đủ tiêu chuẩn và họ phải hoàn thành lại các yêu cầu để đạt được trạng thái Thành viên tron đời hoặc Thành viên đủ tiêu chuẩn tron đời, bao gồm tích lũy thêm 9 năm là thành viên đủ tiêu chuẩn.
- Phương án hai:** Họ có thể duy trì tư cách Thành viên Tron đời hoặc Thành viên Đủ tiêu chuẩn Tron đời bằng cách đóng bổ sung lệ phí thành viên cho số năm họ không là thành viên, không quá 5 năm, và bằng cách đáp ứng các yêu cầu hiện tại đối với Thành viên tron đời. Số năm tối đa được yêu cầu đóng lại lệ phí thành viên sẽ được giảm xuống còn ba năm nếu thành viên nộp đơn đạt được doanh thu đủ điều kiện cho năm hiện tại. Số tiền đóng lại lệ phí thành viên sẽ được tính dựa trên khoản phí hiện hành tại thời điểm khôi phục tư cách thành viên. *Xin lưu ý: Việc thanh toán lệ phí thành viên khi quay lại không nhận được tín dụng cho (những) năm không là thành viên*

## V. **LÀM RÕ**

### 1. **Hoa hồng, Phí đủ điều kiện**

Tín dụng doanh thu (đối với hoa hồng) sẽ dựa trên khoản hoa hồng đủ điều kiện nhận được trong năm 2022. Tín dụng có thể bao gồm tiền hoa hồng kiếm được hoặc trả trước (gọi tắt là "hàng năm") hoặc cả hai. Tiền hoa hồng trả trước (hàng năm) hoặc thu được phải được

trả cho ứng viên trong năm 2022 để đủ điều kiện tính tín dụng MDRT. Xin lưu ý:

- Các khoản hoa hồng được thanh toán trên cơ sở phân mức có thể được báo cáo sử dụng giá trị hiện tại của khoản hoa hồng tính đến năm năm đầu tiên khấu trừ đi 10% mỗi năm, không vượt quá 55 phần trăm phí bảo hiểm năm đầu tiên.
- Hoa hồng hàng năm có thể được báo cáo để tính tín dụng nếu được thanh toán, nhưng việc bồi hoàn tiền hoa hồng hàng năm ở năm doanh thu tiếp theo sẽ làm giảm tín dụng doanh thu của năm đó.
- Nếu hoa hồng đã trả được tính như tiền thu được, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực vào năm 2021 có thể biến thành tín dụng doanh thu cho năm 2022. Hợp đồng bảo hiểm này phải có hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhưng không bắt buộc phải có hiệu lực tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- Khoản tín dụng hoa hồng hưu trí được dựa trên sản phẩm dùng để tạo quỹ hưu (bảo hiểm nhân thọ, niên kim, quỹ tương hỗ, v.v.) vốn xác định xem khoản hoa hồng đó nhận được tín dụng Bảo hiểm Rủi ro hay là tín dụng Sản phẩm Khác.
- Các khoản hoa hồng là một phần của chương trình tiền thù lao trả chậm có thể được kê khai trước để tính tín dụng MDRT, với điều kiện là các khoản này sẽ không được kê khai lại trong những năm sau đó.
- Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vượt mức phí bảo hiểm hàng năm hoặc phí bảo hiểm mục tiêu sẽ đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng hoa hồng năm đầu tiên có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm Rủi ro đối với khoản hoa hồng được trả cho số tiền lên đến mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu. Nếu vượt quá mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu, (đôi khi được gọi là "phụ trội"), tín dụng hoa hồng có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm Rủi ro đối với khoản hoa hồng được trả cho số tiền vượt quá phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu.
- Khoản hoa hồng phụ trội, trợ cấp đào tạo, tiền thưởng và các khoản phụ cấp bán hàng hoặc chi phí khác không đủ tiêu chuẩn theo phương thức định mức hoa hồng/phí bảo hiểm.
- Phí trả cho việc sắp xếp bán một sản phẩm thì đủ điều kiện tính là tín dụng hoa hồng, cũng như khoản phí quản lý tài sản đối với các quỹ tương hỗ và tài khoản quản lý/tài khoản quản lý tài sản vậ. Loại sản phẩm được bán ra xác định loại tín dụng mà sản phẩm nhận được (Bảo hiểm rủi ro hoặc Khác).
- Phí Hoạch định Tài chính/Phí Tư vấn đủ điều kiện tính tín dụng Sản phẩm Khác đối với khoản phí rỗng được trả cho đại lý/cố vấn. Các khoản phí phải được chứng minh bằng thư xác nhận có chữ ký của một cán bộ công ty, một cán bộ đại lý môi giới, hoặc một Kế toán viên Công chứng được Cấp phép (hoặc tương đương) cho các thành viên đủ điều kiện.
- Các khoản hoa hồng bảo hiểm y tế theo nhóm chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Khoản phí bổ sung cho hợp đồng bảo hiểm nhóm trong những năm tiếp theo sẽ không đủ điều kiện tính tín dụng.
- Các khoản phí bảo hiểm đơn và/hoặc hoa hồng bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tiền hoa hồng năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Các khoản hoa hồng bảo hiểm hỗn hợp dài hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp dài hạn (từ 16 năm trở lên) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tiền hoa hồng năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.

Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với:  
**Million Dollar Round Table  
Member Relations Department**  
325 West Touhy Avenue  
Park Ridge, IL 60068 USA  
Điện thoại: +1 847.692.6378  
Fax: +1 847.518.8921  
Trang Web: <https://www.mdr.org>  
E-mail: [memberrelations@mdrt.org](mailto:memberrelations@mdrt.org)

## 2. Phí bảo hiểm đủ điều kiện

Tín dụng doanh thu (đối với phí bảo hiểm) sẽ dựa trên phí bảo hiểm đủ điều kiện được chi trả hoặc số tiền đầu tư mới trong năm 2022. Xin lưu ý:

- Nếu các khoản hoa hồng được trả như là khoản tiền đã thu được, tín dụng phí bảo hiểm sẽ chỉ được tính cho số tiền phí bảo hiểm thực nhận trong năm doanh thu.
- Nếu các khoản hoa hồng được tính hàng năm, tín dụng bảo hiểm cũng phải được tính theo năm. Bất kỳ khoản bồi hoàn nào của tiền hoa hồng tính hàng năm sẽ khiến cho tín dụng phí bảo hiểm cũng phải giảm đi trong năm đó.
- Một hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực vào năm 2021 có thể dẫn tới tín dụng doanh thu cho số tiền phí bảo hiểm được thanh toán hoặc số tiền đầu tư mới trong năm 2022.
- Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vượt mức phí bảo hiểm hàng năm hoặc phí bảo hiểm mục tiêu sẽ đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên có thể được tính vào danh mục Bảo hiểm Rủi ro cho số tiền tối đa bằng phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu. Nếu vượt quá mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu, (đôi khi được gọi là "phụ trội"), tín dụng phí bảo hiểm có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm rủi ro cho 6% số tiền vượt quá phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu.
- Phí hoạch định Tài chính/Phí Tư vấn đủ điều kiện tính tín dụng Sản phẩm Khác đối với tổng số phí được trả cho công ty, đại lý môi giới hoặc đại lý/cố vấn cá nhân. Các khoản phí phải được chứng minh bằng thư xác nhận có chữ ký của một cán bộ công ty, một cán bộ đại lý môi giới, hoặc một Kế toán viên Công chúng được Cấp phép (hoặc tương đương) cho các thành viên đủ điều kiện.
- Phí bảo hiểm y tế theo nhóm chỉ đủ điều kiện tính tín dụng trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Việc bổ sung vào hợp đồng bảo hiểm nhóm trong những năm tiếp theo sẽ không đủ điều kiện tính tín dụng.
- Phí bảo hiểm đơn và/hoặc phí bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 6% tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên.
- Phí bảo hiểm hỗn hợp dài hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp dài hạn (từ 16 năm trở lên) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Khoản tín dụng phí bảo hiểm hưu trí được dựa trên sản phẩm dùng để tạo quỹ hưu (bảo hiểm nhân thọ, niên kim, quỹ tương hỗ, v.v.) vốn xác định xem tín dụng này là tín dụng Bảo hiểm Rủi ro hay là tín dụng Sản phẩm Khác.

## 3. Thu nhập Đủ điều kiện

Tín dụng doanh thu được dựa trên tổng thu nhập hàng năm được trả trong năm 2022. Vui lòng lưu ý rằng:

- Xem biểu đồ trang 4 để biết các sản phẩm đủ điều kiện.
- Theo mô hình này, thu nhập được định nghĩa là hoa hồng đầu tư và gia hạn năm đầu tiên, cũng như các khoản phí cho việc bán sản phẩm, phí quản lý tài sản và phí tư vấn.
- Các khoản tiền thù lao dựa trên doanh thu khác, chẳng hạn như tiền lương và tiền thưởng dựa trên doanh thu, cũng đủ điều kiện tính tín dụng.
- Thu nhập được đóng góp trong kế hoạch tiền lương giữ lại đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng cần được tính trong năm doanh thu khi nhận được thu nhập giữ lại.
- Khoản hoa hồng phụ trội chỉ đủ điều kiện tính doanh thu cá nhân.

- Thu nhập được coi là **KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN** tính tín dụng MDRT bao gồm:
  - Tiền thưởng/trợ cấp đào tạo
  - Phụ cấp bán hàng/chi phí
  - Phụ trội bắt nguồn từ số tiền khai thác của người khác.
  - Thù lao không bằng tiền mặt, ví dụ như các chuyến đi khuyến khích
  - Thu nhập từ bảo hiểm tài sản và tai nạn và bảo hiểm phi nhân thọ (cháy nổ, nhà, xe, v.v.)
  - Thu nhập từ việc bán các khoản thế chấp.
  - Quyết toán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ
  - Tài khoản thị trường tiền tệ

## 4. Tín dụng cho Bảo hiểm bảo đảm cho Ứng viên, Vợ (chồng) hoặc Người phụ thuộc

- Bất kỳ hoạt động kinh doanh nào bảo đảm cho ứng viên, vợ (chồng) hoặc người phụ thuộc của ứng viên không được vượt quá **mức tối đa** 5 phần trăm của yêu cầu doanh thu MDRT của năm hiện tại (3.450 USD đối với tiền hoa hồng đủ điều kiện hoặc 6.900 USD đối với phí bảo hiểm đủ điều kiện hoặc 6.000 USD đối với thu nhập đủ điều kiện) nếu bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào được trả, trực tiếp hay gián tiếp bởi ứng viên hoặc vợ (chồng) của ứng viên.

## 5. Thay thế

- Khoản tín dụng cho các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân chỉ có thể được kê khai cho số tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm năm đầu tiên của hợp đồng mới có số tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm năm đầu tiên vượt quá con số của hợp đồng bảo hiểm bị thay thế. Nếu không biết số tiền là bao nhiêu, thì số tiền hoa hồng được thay thế sẽ được tính bằng cách nhân tiền hoa hồng hiện tại với mức phí bảo hiểm thích hợp cho hợp đồng được thay thế. Khoản tín dụng phí bảo hiểm có thể được xác định bằng cách lấy phí bảo hiểm của hợp đồng mới trừ đi phí bảo hiểm của hợp đồng được thay thế.
- Việc chuyển một sản phẩm vĩnh viễn sang một sản phẩm vĩnh viễn sẽ được coi là một sự thay thế đối với MDRT. Điều này chỉ áp dụng cho việc thay thế các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân.

## 6. Định nghĩa Và Diễn giải

- **Hoạt động kinh doanh được Trả cho và được Bảo đảm**  
Hoạt động kinh doanh cần tính tín dụng sẽ được thanh toán trong giai đoạn đủ điều kiện MDRT (từ ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12). Hoạt động kinh doanh sẽ được coi là đã được thanh toán kể từ ngày bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực đầy đủ với sự chấp thuận của văn phòng chính dưới góc độ thanh toán yêu cầu bồi thường (bất kể thông lệ của công ty hoặc khoảng cách giữa văn phòng chính và văn phòng con). Tuy nhiên, không được phép tính tín dụng cho đến khi văn phòng chính cuối cùng đã chấp nhận phí bảo hiểm và cho đến khi hoa hồng năm đầu tiên được trả hoặc ghi có vào tài khoản của đại lý mà công ty bảo hiểm không có quyền thu hồi cùng một khoản tiền đó, trừ trường hợp thu hồi theo các điều khoản có thể gây tranh cãi của hợp đồng. Đối với hoạt động liên doanh, liên kết, doanh nghiệp và/hoặc môi giới, tín dụng MDRT chỉ được tính cho phần hoạt động kinh doanh mà ứng viên được trả thù lao, là hoa hồng năm đầu tiên hoặc tương đương.
- **Bảo hiểm y tế**  
Bao gồm các hợp đồng bảo hiểm liên quan tới sức khỏe thể chất. Nha khoa, nhân khoa, v.v., đủ điều kiện tính tín dụng. Xem trang 4 để biết chi tiết.



## 6. Định nghĩa và Diễn giải (Tiếp theo)

### • Định nghĩa Hợp đồng và Trường hợp

Hợp đồng bảo hiểm được định nghĩa là một hợp đồng cá nhân bao gồm một hoặc nhiều sinh mệnh so với hợp đồng bảo hiểm nhóm, trợ cấp hưu trí, quỹ chia sẻ lợi nhuận hoặc chương trình tiết kiệm tiền lương. Theo quy định của một quỹ hưu trí hoặc chia sẻ lợi nhuận hoặc chương trình tiết kiệm tiền lương, mỗi hợp đồng bảo hiểm cá nhân sẽ được tính là một (1) hợp đồng để tính tổng các hợp đồng bảo hiểm hợp lệ. Nhằm mục đích tính toán doanh thu, chương trình bảo hiểm nhân thọ nhóm sử dụng quỹ do đơn vị sử dụng lao động tài trợ, chương trình bảo hiểm nhân thọ nhượng quyền và chương trình niên kim nhóm

và giao dịch quỹ tương hỗ với một (1) nhà đầu tư sẽ được coi là một (1) trường hợp không phân biệt số lượng sinh mệnh hoặc quỹ có liên quan.

### • Yêu cầu về Hiệu lực

Hoạt động kinh doanh được tính tin dụng chi bao gồm các hoạt động kinh doanh chưa chấm dứt vào hoặc trước ngày cuối cùng của thời hạn đủ điều kiện tham gia MDRT (ngày 31 tháng 12) trừ trường hợp hoạt động kinh doanh bị chấm dứt do từ vong hoặc chuyển đổi thời hạn.

### • Chứng khoán

Bao gồm cổ phiếu, trái phiếu hoặc các loại vốn chủ sở hữu khác. Xem trang 4 để biết chi tiết.

## VI. MINH HỌA

### Làm rõ về tín dụng Bảo hiểm Rủi ro và Tín dụng Sản phẩm Khác

- Ít nhất một nửa (50 phần trăm) yêu cầu về doanh thu phải bắt nguồn từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro. (Xem phần I, 4)
- Đây là ngưỡng phải vượt qua trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ tín dụng nào từ danh mục Sản phẩm khác.
- Khi vượt ngưỡng, ứng viên có thể sử dụng tất cả các khoản tín dụng từ Sản phẩm Khác để đáp ứng yêu cầu MDRT.
- Yêu cầu đối với tiền hoa hồng năm 2023 là 69.000 USD. Để đủ điều kiện, ứng viên phải nộp chứng nhận đạt được tiền hoa hồng tối thiểu là 34.500 USD bắt nguồn từ các sản phẩm được nêu trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.

#### Ví dụ 1 - Đủ điều kiện là thành viên MDRT

Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	34.500
Tổng số tiền từ các Sản phẩm Khác của ứng viên	100.000
Tổng số tín dụng hoa hồng MDRT	134.500

#### Ví dụ 2 - KHÔNG đủ điều kiện là thành viên MDRT

Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	34.499
Tổng số tiền từ các Sản phẩm Khác của ứng viên	100.000
Tổng số tín dụng hoa hồng MDRT	134.499

#### Vui lòng lưu ý rằng:

Ngưỡng 50 phần trăm được áp dụng bất kể tiền hoa hồng hay phí bảo hiểm được sử dụng để đủ điều kiện để gia nhập thành viên.

### Làm rõ về thu nhập đủ điều kiện

- Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm từ bán bảo hiểm và sản phẩm tài chính tối thiểu là 120.000 USD.
- Tối thiểu 34.500 đô la Mỹ phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới được tạo ra trong năm doanh thu. Hơn nữa, tối thiểu 34.500 đô la Mỹ phải bắt nguồn từ thu nhập liên quan đến các sản phẩm trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Có thể cùng một hoạt động kinh doanh, ví dụ như bán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mới, có thể đáp ứng cả hai yêu cầu. (Xem Ví dụ 2 dưới đây.)

#### ĐỦ ĐIỀU KIỆN là thành viên MDRT

##### Ví dụ 1

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	120.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới	34.500
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	34.500

##### Ví dụ 2

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	120.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới	
Sản phẩm Bảo hiểm Rủi ro *	34.500

\* Đáp ứng cả yêu cầu tối thiểu về số tiền từ hoạt động kinh doanh mới và từ sản phẩm bảo hiểm rủi ro.

#### KHÔNG đủ điều kiện là thành viên MDRT

##### Ví dụ 3

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	120.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới	34.499
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	34.500

##### Ví dụ 4

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	120.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới	34.500
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	34.499

## **Hội nghị Thường niên MDRT\***

25 - 28 tháng 6 năm 2023  
Nashville, Tennessee, Hoa Kỳ

## **Hội nghị Toàn cầu MDRT\***

2023  
Thông báo sau

## **Hội nghị Thường niên Top of the Table\*\***

11 - 14 tháng 10 năm 2023  
Naples, Florida, Hoa Kỳ

## **Hội nghị EDGE MDRT\*\*\***

2023  
Thông báo sau

*\*Việc tham dự Hội nghị Thường niên MDRT và Hội nghị Toàn cầu MDRT được áp dụng với thành viên 2023 đã được phê duyệt và được yêu cầu thanh toán phí tham dự riêng biệt.*

*\*\*Việc tham dự Hội nghị Thường niên Top of the Table được áp dụng với thành viên TOT 2023 đã được phê duyệt và được yêu cầu thanh toán phí tham dự riêng biệt.*

*\*\*\*Hội nghị EDGE MDRT dành cho Thành viên năm 2023 đã được phê duyệt đến từ Hoa Kỳ và Canada và phí tham dự phải được thanh toán riêng biệt.*

Truy cập [www.mdrt.org](http://www.mdrt.org) hoặc liên hệ với MDRT tại +1 847.692.6378 hoặc gửi email [meetings@mdrt.org](mailto:meetings@mdrt.org) để biết thông tin hội nghị hoặc cơ hội tham gia triển lãm hoặc tài trợ.

**YÊU CẦU DOANH THU HOA HỒNG VÀ PHÍ BẢO HIỂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN  
MILLION DOLLAR ROUND TABLE NĂM 2023**

Dựa trên Doanh thu năm 2022, bằng nội tệ

**Tín dụng doanh thu phải được báo cáo bằng đô la Mỹ trên các Thư xác nhận**

(Nội tệ chia cho hệ số chuyển đổi/chuẩn hóa = Yêu cầu của MDRT bằng đồng đô la Mỹ)

Các yêu cầu về doanh thu được lập riêng cho từng thị trường. Các hệ số chuyển đổi/chuẩn hóa không liên quan với tỷ giá tiền tệ và chỉ được sử dụng để chuẩn hóa xử lý MDRT.

(Để xem danh sách đầy đủ các yêu cầu theo Thị trường, vui lòng vào trang web của MDRT tại địa chỉ <https://www.mdrt.org/join/member-requirements/>.)

<i>Thị trường</i>	<i>Hoa hồng MDRT</i>	<i>Hoa hồng COT</i>	<i>Hoa hồng TOT</i>	<i>Hệ số chuyển đổi hoa hồng</i>	<i>Phí MDRT</i>	<i>COT Phí bảo hiểm</i>	<i>TOT Phí bảo hiểm</i>	<i>Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm</i>
Angola	39,800	119,400	238,800	0.5768	79,600	238,800	477,600	0.5768
Anguilla	79,100	237,300	474,600	1.1463	158,200	474,600	949,200	1.1463
Antigua	120,800	362,400	724,800	1.7507	241,600	724,800	1,449,600	1.7507
Argentina	254,500	763,500	1,527,000	3.6884	509,000	1,527,000	3,054,000	3.6884
Armenia	11,428,100	34,284,300	68,568,600	165.6246	22,856,200	68,568,600	137,137,200	165.6246
Aruba	80,600	241,800	483,600	1.1681	161,200	483,600	967,200	1.1681
Australia	101,600	304,800	609,600	1.4724	203,200	609,600	1,219,200	1.4724
Azerbaijan	21,000	63,000	126,000	0.3043	42,000	126,000	252,000	0.3043
Bahamas	61,500	184,500	369,000	0.8913	123,000	369,000	738,000	0.8913
Bahrain	14,300	42,900	85,800	0.2072	28,600	85,800	171,600	0.2072
Bangladesh	1,766,400	5,299,200	10,598,400	25.6000	3,532,800	10,598,400	21,196,800	25.6000
Barbados	100,100	300,300	600,600	1.4507	200,200	600,600	1,201,200	1.4507
Belarus	91,582,600	274,747,800	549,495,600	1,327.2840	183,165,200	549,495,600	1,098,991,200	1,327.2840
Belgium	52,300	156,900	313,800	0.7579	104,600	313,800	627,600	0.7579
Belize	72,400	217,200	434,400	1.0492	144,800	434,400	868,800	1.0492
Bermuda	104,800	314,400	628,800	1.5188	209,600	628,800	1,257,600	1.5188
Bolivia	185,400	556,200	1,112,400	2.6869	370,800	1,112,400	2,224,800	2.6869
Bosnia-Herzegovina	46,300	138,900	277,800	0.6710	92,600	277,800	555,600	0.6710
Botswana	227,700	683,100	1,366,200	3.3000	455,400	1,366,200	2,732,400	3.3000
Brazil	151,300	453,900	907,800	2.1927	453,900	1,361,700	2,723,400	3.2891
British Virgin Islands	70,100	210,300	420,600	1.0159	140,200	420,600	841,200	1.0159
Brunei	44,200	132,600	265,200	0.6405	132,600	397,800	795,600	0.9608
Bulgaria	47,200	141,600	283,200	0.6840	94,400	283,200	566,400	0.6840
Cambodia	69,101,500	207,304,500	414,609,000	1,001.4710	276,406,000	829,218,000	1,658,436,000	2,002.9420
Cameroon	16,579,400	49,738,200	99,476,400	240.2811	33,158,800	99,476,400	198,952,800	240.2811
Canada	82,700	248,100	496,200	1.1985	165,400	496,200	992,400	1.1985
Cayman Islands	55,700	167,100	334,200	0.8072	111,400	334,200	668,400	0.8072
Channel Islands	48,000	144,000	288,000	0.6956	96,000	288,000	576,000	0.6956
Chile	26,599,200	79,797,600	159,595,200	385.4956	53,198,400	159,595,200	319,190,400	385.4956
China	198,500	595,500	1,191,000	2.8768	595,500	1,786,500	3,573,000	4.3152
Colombia	72,416,300	217,248,900	434,497,800	1,049.5115	144,832,600	434,497,800	868,995,600	1,049.5115
Costa Rica	23,459,200	70,377,600	140,755,200	339.9884	46,918,400	140,755,200	281,510,400	339.9884
Côte d'Ivoire	18,013,900	54,041,700	108,083,400	261.0710	36,027,800	108,083,400	216,166,800	261.0710
Croatia	225,000	675,000	1,350,000	3.2608	450,000	1,350,000	2,700,000	3.2608
Curacao	60,800	182,400	364,800	0.8811	121,600	364,800	729,600	0.8811
Cyprus	33,800	101,400	202,800	0.4898	67,600	202,800	405,600	0.4898
Czech Republic	854,700	2,564,100	5,128,200	12.3869	1,709,400	5,128,200	10,256,400	12.3869
Denmark	460,500	1,381,500	2,763,000	6.6739	921,000	2,763,000	5,526,000	6.6739
Dominica	107,500	322,500	645,000	1.5579	215,000	645,000	1,290,000	1.5579
Dominican Republic	1,115,700	3,347,100	6,694,200	16.1695	2,231,400	6,694,200	13,388,400	16.1695
Ecuador	35,300	105,900	211,800	0.5115	70,600	211,800	423,600	0.5115
Egypt	139,800	419,400	838,800	2.0260	419,400	1,258,200	2,516,400	3.0391
El Salvador	31,300	93,900	187,800	0.4536	62,600	187,800	375,600	0.4536
Estonia	37,200	111,600	223,200	0.5391	74,400	223,200	446,400	0.5391
Fiji	55,300	165,900	331,800	0.8014	110,600	331,800	663,600	0.8014
France	51,000	153,000	306,000	0.7391	102,000	306,000	612,000	0.7391
Georgia	57,000	171,000	342,000	0.8260	114,000	342,000	684,000	0.8260
Germany	50,800	152,400	304,800	0.7362	101,600	304,800	609,600	0.7362
Ghana	68,800	206,400	412,800	0.9971	137,600	412,800	825,600	0.9971
Gibraltar	44,100	132,300	264,600	0.6391	88,200	264,600	529,200	0.6391
Greece	38,200	114,600	229,200	0.5536	76,400	229,200	458,400	0.5536
Grenada	115,000	345,000	690,000	1.6666	230,000	690,000	1,380,000	1.6666
Guatemala	269,700	809,100	1,618,200	3.9086	539,400	1,618,200	3,236,400	3.9086
Guyana	6,618,100	19,854,300	39,708,600	95.9144	13,236,200	39,708,600	79,417,200	95.9144
Honduras	718,800	2,156,400	4,312,800	10.4173	1,437,600	4,312,800	8,625,600	10.4173
Hong Kong, China	419,800	1,259,400	2,518,800	6.0840	1,679,200	5,037,600	10,075,200	12.1681
Hungary	9,654,900	28,964,700	57,929,400	139.9260	19,309,800	57,929,400	115,858,800	139.9260
India	795,900	2,387,700	4,775,400	11.5347	3,183,600	9,550,800	19,101,600	23.0695

<i>Thị trường</i>	<i>Hoa hồng MDRT</i>	<i>Hoa hồng COT</i>	<i>Hoa hồng TOT</i>	<i>Hệ số chuyển đổi hoa hồng</i>	<i>Phí MDRT</i>	<i>COT Phí bảo hiểm</i>	<i>TOT Phí bảo hiểm</i>	<i>Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm</i>
Indonesia	261,966,900	785,900,700	1,571,801,400	3,796.6217	523,933,800	1,571,801,400	3,143,602,800	3,796.6217
Ireland	54,600	163,800	327,600	0.7913	109,200	327,600	655,200	0.7913
Isle of Man	47,500	142,500	285,000	0.6884	95,000	285,000	570,000	0.6884
Israel	253,100	759,300	1,518,600	3.6681	506,200	1,518,600	3,037,200	3.6681
Italy	46,300	138,900	277,800	0.6710	92,600	277,800	555,600	0.6710
Jamaica West Indies	3,506,800	10,520,400	21,040,800	50.8231	7,013,600	21,040,800	42,081,600	50.8231
Japan	7,133,900	21,401,700	42,803,400	103.3898	21,401,700	64,205,100	128,410,200	155.0847
Jordan	19,500	58,500	117,000	0.2826	39,000	117,000	234,000	0.2826
Kazakhstan	5,399,300	16,197,900	32,395,800	78.2507	10,798,600	32,395,800	64,791,600	78.2507
Kenya	2,815,700	8,447,100	16,894,200	40.8072	5,631,400	16,894,200	33,788,400	40.8072
Kuwait	14,700	44,100	88,200	0.2130	29,400	88,200	176,400	0.2130
Laos	202,963,700	608,891,100	1,217,782,200	2,941.5028	405,927,400	1,217,782,200	2,435,564,400	2,941.5028
Latvia	29,300	87,900	175,800	0.4246	58,600	175,800	351,600	0.4246
Lebanon	56,208,000	168,624,000	337,248,000	814.6086	112,416,000	337,248,000	674,496,000	814.6086
Lithuania	31,400	94,200	188,400	0.4550	62,800	188,400	376,800	0.4550
Luxembourg	58,900	176,700	353,400	0.8536	117,800	353,400	706,800	0.8536
Macau, China	300,200	900,600	1,801,200	4.3507	1,200,800	3,602,400	7,204,800	8.7014
Macedonia	1,303,600	3,910,800	7,821,600	18.8927	2,607,200	7,821,600	15,643,200	18.8927
Malaysia	110,300	330,900	661,800	1.5985	330,900	992,700	1,985,400	2.3978
Malta	20,100	60,300	120,600	0.2913	40,200	120,600	241,200	0.2913
Mauritius	1,144,400	3,433,200	6,866,400	16.5855	2,288,800	6,866,400	13,732,800	16.5855
Mexico	600,800	1,802,400	3,604,800	8.7072	1,201,600	3,604,800	7,209,600	8.7072
Montenegro	4,800	14,400	28,800	0.0695	9,600	28,800	57,600	0.0695
Montserrat	56,000	168,000	336,000	0.8115	112,000	336,000	672,000	0.8115
Mozambique	1,408,200	4,224,600	8,449,200	20.4086	2,816,400	8,449,200	16,898,400	20.4086
Myanmar	22,684,400	68,053,200	136,106,400	328.7594	45,368,800	136,106,400	272,212,800	328.7594
Namibia	368,000	1,104,000	2,208,000	5.3333	736,000	2,208,000	4,416,000	5.3333
Nepal	1,264,100	3,792,300	7,584,600	18.3202	3,792,300	11,376,900	22,753,800	27.4804
Netherlands	53,500	160,500	321,000	0.7753	107,000	321,000	642,000	0.7753
New Zealand	98,400	295,200	590,400	1.4260	196,800	590,400	1,180,800	1.4260
Nicaragua	757,800	2,273,400	4,546,800	10.9826	1,515,600	4,546,800	9,093,600	10.9826
Nigeria	5,235,500	15,706,500	31,413,000	75.8768	10,471,000	31,413,000	62,826,000	75.8768
Norway	662,800	1,988,400	3,976,800	9.6057	1,325,600	3,976,800	7,953,600	9.6057
Oman	12,100	36,300	72,600	0.1753	24,200	72,600	145,200	0.1753
Pakistan	1,614,600	4,843,800	9,687,600	23.4000	3,229,200	9,687,600	19,375,200	23.4000
Panama	34,400	103,200	206,400	0.4985	68,800	206,400	412,800	0.4985
Peru	109,200	327,600	655,200	1.5826	218,400	655,200	1,310,400	1.5826
Philippines	1,150,300	3,450,900	6,901,800	16.6710	2,300,600	6,901,800	13,803,600	16.6710
Poland	120,700	362,100	724,200	1.7492	241,400	724,200	1,448,400	1.7492
Portugal	39,200	117,600	235,200	0.5681	117,600	352,800	705,600	0.8521
Qatar	156,500	469,500	939,000	2.2681	313,000	939,000	1,878,000	2.2681
Republic of Korea	59,710,700	179,132,100	358,264,200	865.3724	149,276,800	447,830,400	895,660,800	1,081.7159
Romania	115,500	346,500	693,000	1.6739	231,000	693,000	1,386,000	1.6739
Russia	1,217,700	3,653,100	7,306,200	17.6478	3,044,300	9,132,900	18,265,800	22.0601
Saudi Arabia	147,300	441,900	883,800	2.1347	294,600	883,800	1,767,600	2.1347
Serbia	2,580,000	7,740,000	15,480,000	37.3913	5,160,000	15,480,000	30,960,000	37.3913
Singapore	72,400	217,200	434,400	1.0492	217,200	651,600	1,303,200	1.5739
Slovakia	36,000	108,000	216,000	0.5217	72,000	216,000	432,000	0.5217
Slovenia	38,800	116,400	232,800	0.5623	77,600	232,800	465,600	0.5623
South Africa	255,400	766,200	1,532,400	3.7014	510,800	1,532,400	3,064,800	3.7014
Spain	43,100	129,300	258,600	0.6246	86,200	258,600	517,200	0.6246
Sri Lanka	2,430,400	7,291,200	14,582,400	35.2231	4,860,800	14,582,400	29,164,800	35.2231
St. Kitts and Nevis	114,100	342,300	684,600	1.6536	228,200	684,600	1,369,200	1.6536
St. Lucia	130,300	390,900	781,800	1.8884	260,600	781,800	1,563,600	1.8884
St. Maarten	63,500	190,500	381,000	0.9202	127,000	381,000	762,000	0.9202
St. Vincent	108,500	325,500	651,000	1.5724	217,000	651,000	1,302,000	1.5724
Suriname	236,700	710,100	1,420,200	3.4304	473,400	1,420,200	2,840,400	3.4304
Sweden	609,600	1,828,800	3,657,600	8.8347	1,219,200	3,657,600	7,315,200	8.8347
Switzerland	80,000	240,000	480,000	1.1594	160,000	480,000	960,000	1.1594
Taiwan Area	1,265,700	3,797,100	7,594,200	18.3434	2,531,400	7,594,200	15,188,400	18.3434
Tanzania	49,894,800	149,684,400	299,368,800	723.1130	99,789,600	299,368,800	598,737,600	723.1130
Thailand	866,600	2,599,800	5,199,600	12.5594	1,733,200	5,199,600	10,399,200	12.5594
Togo	16,346,800	49,040,400	98,080,800	236.9101	32,693,600	98,080,800	196,161,600	236.9101
Tonga	110,500	331,500	663,000	1.6014	221,000	663,000	1,326,000	1.6014
Trinidad & Tobago	273,400	820,200	1,640,400	3.9623	546,800	1,640,400	3,280,800	3.9623
Turkey	72,700	218,100	436,200	1.0536	145,400	436,200	872,400	1.0536
Turks & Caicos	71,300	213,900	427,800	1.0333	142,600	427,800	855,600	1.0333
Uganda	89,804,500	269,413,500	538,827,000	1,301.5144	179,609,000	538,827,000	1,077,654,000	1,301.5144

<i>Thị trường</i>	<i>Hoa hồng MDRT</i>	<i>Hoa hồng COT</i>	<i>Hoa hồng TOT</i>	<i>Hệ số chuyển đổi hoa hồng</i>	<i>Phí MDRT</i>	<i>COT Phí bảo hiểm</i>	<i>TOT Phí bảo hiểm</i>	<i>Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm</i>
Ukraine	243,000	729,000	1,458,000	3.5217	486,000	1,458,000	2,916,000	3.5217
United Arab Emirates	175,000	525,000	1,050,000	2.5362	350,000	1,050,000	2,100,000	2.5362
United Kingdom	46,600	139,800	279,600	0.6753	93,200	279,600	559,200	0.6753
United States	69,000	207,000	414,000	1.0000	138,000	414,000	828,000	1.0000
Uruguay	1,084,500	3,253,500	6,507,000	15.7173	2,169,000	6,507,000	13,014,000	15.7173
Venezuela	548,994	1,646,982	3,293,964	7.9564	1,098,000	3,294,000	6,588,000	7.9565
Vietnam	328,012,100	984,036,300	1,968,072,600	4,753.7985	656,024,200	1,968,072,600	3,936,145,200	4,753.7985
Zambia	204,700	614,100	1,228,200	2.9666	409,400	1,228,200	2,456,400	2.9666
Zimbabwe	1,001,600	3,004,800	6,009,600	14.5159	2,003,200	6,009,600	12,019,200	14.5159

**YÊU CẦU DOANH THU TỪ THU NHẬP ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN  
MILLION DOLLAR ROUND TABLE NĂM 2023**

Dựa trên Doanh thu năm 2022, bằng nội tệ

Tín dụng doanh thu phải được báo cáo bằng đô la Mỹ trên các thư xác nhận, các yêu cầu về Định mức doanh thu được đặt ra riêng biệt cho từng Thị trường. Các hệ số chuyển đổi (Conv) không có mối quan hệ với tỷ giá tiền tệ và chỉ được sử dụng để chuẩn hóa xử lý MDRT. (Nội tệ chia cho chuyển đổi thu nhập = Yêu cầu của MDRT bằng đồng đô la Mỹ). Chúng nhận theo phương thức này dựa trên yêu cầu đạt được 120.000 USD trong tổng thu nhập hàng năm từ bảo hiểm và sản phẩm tài chính. Tối thiểu 34.500 USD phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới được tạo ra trong năm doanh thu. Hơn nữa, tối thiểu 34.500 USD phải bắt nguồn từ thu nhập liên quan đến các sản phẩm trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro. (Để xem danh sách đầy đủ các yêu cầu theo Thị trường, vui

lòng vào trang web của MDRT tại địa chỉ  
[https://www.mdr.org/join/member-requirements/.](https://www.mdr.org/join/member-requirements/))

<i>Thị trường</i>	<i>Thu nhập MDRT</i>	<i>Thu nhập COT</i>	<i>Thu nhập TOT</i>	<i>Hệ số chuyển đổi thu nhập</i>
Angola	69,000	207,000	414,000	0.5750
Anguilla	136,900	410,700	821,400	1.1408
Antigua	209,200	627,600	1,255,200	1.7433
Argentina	440,700	1,322,100	2,644,200	3.6725
Armenia	19,793,000	59,379,000	118,758,000	164.9416
Aruba	139,600	418,800	837,600	1.1633
Australia	176,000	528,000	1,056,000	1.4666
Azerbaijan	36,400	109,200	218,400	0.3033
Bahamas	106,500	319,500	639,000	0.8875
Bahrain	24,800	74,400	148,800	0.2066
Bangladesh	3,059,300	9,177,900	18,355,800	25.4941
Barbados	173,400	520,200	1,040,400	1.4450
Belarus	158,617,300	475,851,900	951,703,800	1,321.8108
Belgium	90,600	271,800	543,600	0.7550
Belize	125,400	376,200	752,400	1.0450
Bermuda	181,500	544,500	1,089,000	1.5125
Bolivia	321,100	963,300	1,926,600	2.6758
Bosnia-Herzegovina	80,300	240,900	481,800	0.6691
Botswana	394,300	1,182,900	2,365,800	3.2858
Brazil	262,000	786,000	1,572,000	2.1833
British Virgin Islands	121,400	364,200	728,400	1.0116
Brunei	76,600	229,800	459,600	0.6383
Bulgaria	81,700	245,100	490,200	0.6808
Cambodia	119,681,000	359,043,000	718,086,000	997.3416
Cameroon	28,713,000	86,139,000	172,278,000	239.2750
Canada	143,200	429,600	859,200	1.1933
Cayman Islands	96,500	289,500	579,000	0.8041
Channel Islands	83,200	249,600	499,200	0.6933
Chile	46,068,600	138,205,800	276,411,600	383.9050
China	343,900	1,031,700	2,063,400	2.8658
Colombia	125,422,000	376,266,000	752,532,000	1,045.1833
Costa Rica	40,630,400	121,891,200	243,782,400	338.5866
Cote d'Ivoire	31,199,300	93,597,900	187,195,800	259.9941
Croatia	389,700	1,169,100	2,338,200	3.2475
Curacao	105,300	315,900	631,800	0.8775
Cyprus	58,500	175,500	351,000	0.4875
Czech Republic	1,480,300	4,440,900	8,881,800	12.3358
Denmark	797,600	2,392,800	4,785,600	6.6466
Dominica	186,200	558,600	1,117,200	1.5516
Dominican Republic	1,932,400	5,797,200	11,594,400	16.1033
Ecuador	61,100	183,300	366,600	0.5091
Egypt	242,200	726,600	1,453,200	2.0183
El Salvador	54,200	162,600	325,200	0.4516
Estonia	64,400	193,200	386,400	0.5366
Fiji	95,800	287,400	574,800	0.7983
France	88,300	264,900	529,800	0.7358
Georgia	98,700	296,100	592,200	0.8225
Germany	88,000	264,000	528,000	0.7333
Ghana	119,100	357,300	714,600	0.9925
Gibraltar	76,000	228,000	456,000	0.6333
Greece	66,100	198,300	396,600	0.5508
Grenada	199,200	597,600	1,195,200	1.6600
Guatemala	467,100	1,401,300	2,802,600	3.8925
Guyana	11,462,300	34,386,900	68,773,800	95.5191
Honduras	1,244,900	3,734,700	7,469,400	10.3741
Hong Kong, China	727,100	2,181,300	4,362,600	6.0591
Hungary	16,721,900	50,165,700	100,331,400	139.3491
India	1,378,500	4,135,500	8,271,000	11.4875
Indonesia	453,715,900	1,361,147,700	2,722,295,400	3,780.9658

<i>Thị trường</i>	<i>Thu nhập MDRT</i>	<i>Thu nhập COT</i>	<i>Thu nhập TOT</i>	<i>Hệ số chuyển đổi thu nhập</i>
Ireland	94,500	283,500	567,000	0.7875
Isle of Man	82,300	246,900	493,800	0.6858
Israel	438,400	1,315,200	2,630,400	3.6533
Italy	80,200	240,600	481,200	0.6683
Jamaica West Indies	6,073,700	18,221,100	36,442,200	50.6141
Japan	12,355,700	37,067,100	74,134,200	102.9641
Jordan	33,800	101,400	202,800	0.2816
Kazakhstan	9,351,400	28,054,200	56,108,400	77.9283
Kenya	4,876,700	14,630,100	29,260,200	40.6391
Kuwait	25,500	76,500	153,000	0.2125
Laos	351,127,200	1,053,381,600	2,106,763,200	2,926.0600
Latvia	50,700	152,100	304,200	0.4225
Lebanon	97,349,800	292,049,400	584,098,800	811.2483
Lithuania	54,400	163,200	326,400	0.4533
Luxembourg	102,000	306,000	612,000	0.8500
Macau, China	520,000	1,560,000	3,120,000	4.3333
Macedonia	2,257,700	6,773,100	13,546,200	18.8141
Malaysia	191,100	573,300	1,146,600	1.5925
Malta	34,800	104,400	208,800	0.2900
Mauritius	1,982,100	5,946,300	11,892,600	16.5175
Mexico	1,040,600	3,121,800	6,243,600	8.6716
Montenegro	8,300	24,900	49,800	0.0691
Montserrat	97,000	291,000	582,000	0.8083
Mozambique	2,439,000	7,317,000	14,634,000	20.3250
Myanmar	39,288,400	117,865,200	235,730,400	327.4033
Namibia	637,400	1,912,200	3,824,400	5.3116
Nepal	2,189,400	6,568,200	13,136,400	18.2450
Netherlands	92,600	277,800	555,600	0.7716
New Zealand	170,500	511,500	1,023,000	1.4208
Nicaragua	1,312,500	3,937,500	7,875,000	10.9375
Nigeria	9,067,700	27,203,100	54,406,200	75.5641
Norway	1,148,000	3,444,000	6,888,000	9.5666
Oman	21,000	63,000	126,000	0.1750
Pakistan	2,796,400	8,389,200	16,778,400	23.3033
Panama	59,600	178,800	357,600	0.4966
Peru	189,200	567,600	1,135,200	1.5766
Philippines	1,992,300	5,976,900	11,953,800	16.6025
Poland	209,000	627,000	1,254,000	1.7416
Portugal	67,900	203,700	407,400	0.5658
Qatar	271,000	813,000	1,626,000	2.2583
Republic of Korea	103,416,400	310,249,200	620,498,400	861.8033
Romania	200,100	600,300	1,200,600	1.6675
Russia	2,109,000	6,327,000	12,654,000	17.5750
Saudi Arabia	255,200	765,600	1,531,200	2.1266
Serbia	4,468,500	13,405,500	26,811,000	37.2375
Singapore	125,400	376,200	752,400	1.0450
Slovakia	62,300	186,900	373,800	0.5191
Slovenia	67,200	201,600	403,200	0.5600
South Africa	442,300	1,326,900	2,653,800	3.6858
Spain	74,600	223,800	447,600	0.6216
Sri Lanka	4,209,400	12,628,200	25,256,400	35.0783
St. Kitts and Nevis	197,600	592,800	1,185,600	1.6466
St. Lucia	225,700	677,100	1,354,200	1.8808
St. Maarten	110,000	330,000	660,000	0.9166
St. Vincent	187,900	563,700	1,127,400	1.5658
Suriname	410,000	1,230,000	2,460,000	3.4166
Sweden	1,055,700	3,167,100	6,334,200	8.7975
Switzerland	138,600	415,800	831,600	1.1550
Taiwan Area	2,192,200	6,576,600	13,153,200	18.2683
Tanzania	86,415,700	259,247,100	518,494,200	720.1308
Thailand	1,500,900	4,502,700	9,005,400	12.5075
Togo	28,312,200	84,936,600	169,873,200	235.9350
Tonga	191,400	574,200	1,148,400	1.5950
Trinidad & Tobago	473,500	1,420,500	2,841,000	3.9458
Turkey	125,900	377,700	755,400	1.0491
Turks & Caicos	123,500	370,500	741,000	1.0291
Uganda	155,537,700	466,613,100	933,226,200	1,296.1475
Ukraine	420,800	1,262,400	2,524,800	3.5066
United Arab Emirates	303,000	909,000	1,818,000	2.5250

<i>Thị trường</i>	<i>Thu nhập MDRT</i>	<i>Thu nhập COT</i>	<i>Thu nhập TOT</i>	<i>Hệ số chuyển đổi thu nhập</i>
United Kingdom	80,700	242,100	484,200	0.6725
United States	120,000	360,000	720,000	1.0000
Uruguay	1,878,300	5,634,900	11,269,800	15.6525
Venezuela	950,800	2,852,400	5,704,800	7.9233
Vietnam	568,103,400	1,704,310,200	3,408,620,400	4,734.1950
Zambia	354,500	1,063,500	2,127,000	2.9541
Zimbabwe	1,734,700	5,204,100	10,408,200	14.4558